

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 957 /UBND-NL

V/v tổ chức lấy ý kiến về kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 08 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

Thực hiện Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Công văn số 138/VPĐP-NV&MT ngày 28/02/2019 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018.

Trên cơ sở đề nghị của UBND thành phố Pleiku về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018 (tại Tờ trình số 80/TTr-UBND, ngày 01/4/2019 của UBND thành phố Pleiku) và kết quả đi đánh giá của Đoàn thẩm tra xây dựng nông thôn mới tỉnh về việc thẩm tra kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Pleiku năm 2018.

Để hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018 theo đúng trình tự quy định tại khoản 2, Điều 12 của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tham gia góp ý kiến bằng văn bản về dự thảo Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018 (có dự thảo Báo cáo gửi kèm theo).

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải dự thảo Báo cáo nêu trên tại cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý của người dân trên địa bàn tỉnh về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Pleiku.

3. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai:

Công bố ít nhất 03 lần trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai về dự thảo Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018 để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn tỉnh.

(UBND tỉnh gửi kèm theo dự thảo Báo cáo để các đơn vị triển khai thực hiện)

4. Thời gian gửi văn bản tham gia góp ý:

Đề nghị các đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh); riêng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đề nghị có Giấy xác nhận phát sóng công bố ít nhất 03 lần trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh. Thời gian gửi văn bản góp ý trước ngày **12/5/2019** để tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.

5. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến tham gia để hoàn thiện Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018, trình UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT ;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kpã Thuyên

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku
hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND thành phố Pleiku tại Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 01/4/2019 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018.

Ngày 11/4/2019, Đoàn Thẩm tra của tỉnh đã tổ chức thẩm tra hồ sơ và kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố Pleiku. Sau khi thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2018 đối với thành phố Pleiku, cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THẨM TRA**

I. Thời gian thẩm tra: Ngày 11/4/2019.

II. Về Hồ sơ:

UBND thành phố Pleiku thực hiện các bước theo hướng dẫn tại Điều 11; khoản 1, 2, Điều 13 của Quyết định số 2540/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. Về việc đăng ký thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018:

Ngày 01/3/2017, UBND thành phố Pleiku có Công văn số 347/UBND-KT về việc đăng ký “Thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017”. Ngày 06/3/2017, UBND tỉnh có Văn bản số 814/UBND-NL về việc đồng ý đăng ký “Thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017” và ngày 16/3/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày về việc phê duyệt danh sách 22 xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017 và Thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017.

Đến cuối năm 2017, 9/9 xã của thành phố Pleiku đã được Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và thành phố Pleiku đã tiến hành lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh Gia Lai trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017.

Tuy nhiên trong quá trình lập hồ sơ, trên địa bàn thành phố xảy ra các vi phạm về quản lý đất đai, tốn nhiều thời gian để xác minh, làm rõ, cung cấp thông tin liên quan đến việc xử lý vi phạm về quản lý đất đai trên địa bàn với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương nên không kịp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017. Do vậy, theo yêu cầu của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tại Công văn số 138/VPĐP-NV&MT ngày 28/02/2019 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018, UBND thành phố đã tiến hành rà soát, đánh giá lại, bổ sung thêm số liệu kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố năm 2018. Đồng thời hoàn thiện lại hồ sơ đề nghị công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018.

2. Về yêu cầu của quy trình đánh giá:

Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của thành phố Pleiku đã đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng trình tự, đủ thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Các tài liệu minh chứng, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí và lấy ý kiến các tổ chức, nhân dân được tập hợp, phân loại, lưu trữ đầy đủ tài liệu về nông thôn mới.

UBND Thành phố Pleiku đã thực hiện đầy đủ theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, hồ sơ gồm có:

- Công văn số 347/UBND-KT về việc đăng ký “Thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2017”;

- Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 01/4/2019 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018;

- Tổng hợp danh sách các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố (có kèm theo Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của các xã);

- Báo cáo số 127/BC-UBND ngày 27/3/2019 về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018 của thành phố;

- Báo cáo số 128/BC-UBND ngày 27/3/2019 về tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2018;

- Biên bản cuộc họp ngày 28/3/2019 về đề nghị xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 27/3/2019 về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố tính đến hết năm 2018;

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố.

3. Tổ chức tự đánh giá:

3.1 Việc tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới và kết quả xây dựng nông thôn mới của toàn thành phố:

Việc tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới của thành phố gồm 9 xã như sau: 1. Xã An Phú được công nhận tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 21/7/2014; 2. Xã Diên Phú được công nhận tại Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 21/7/2014; 3. Xã Biển Hồ được công nhận tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/7/2014; 4. Xã Trà Đa được công nhận tại Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 04/12/2015; 5. Xã Chư HDrông được công nhận tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 07/01/2016; 6. Xã Tân Sơn được công nhận tại Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 28/11/2016; 7. Xã Chư Ắ được công nhận tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 13/02/2018; 8. Xã Ia Kênh được công nhận tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 13/02/2018; 9. Xã Gào được công nhận tại Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 13/02/2018; Tổng số 9/9 xã đạt 100%.

Đối chiếu theo Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ việc thành phố Pleiku đề nghị công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là đảm bảo theo yêu cầu đề ra.

3.2. Thành lập Đoàn đánh giá:

UBND thành phố Pleiku đã ban hành Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 về việc thành lập Đoàn đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới thành phố Pleiku năm 2018.

3.3. Việc tổng hợp số liệu và xây dựng báo cáo:

Sau khi Đoàn đánh giá của thành phố tổ chức đi đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố, Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố Pleiku chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn, UBND các xã trong toàn thành

phổ tiến hành tổng hợp kết quả xây dựng nông thôn mới của toàn thành phố và xây dựng báo cáo theo đúng hướng dẫn tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Về đối tượng, thời gian tổ chức lấy ý kiến:

Sau khi hoàn thành dự thảo báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018 của thành phố Pleiku. Từ ngày 11/3/2019 đến ngày 20/3/2019, UBND thành phố đã gửi báo cáo đề lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (tại Công văn số 417/UBND-VP ngày 11/3/2019). Đồng thời từ ngày 11/3/2019 đến ngày 26/3/2019, UBND thành phố thông báo kết quả thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử của thành phố để xin ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn thành phố (tại Thông báo số 19/TB-UBND ngày 11/3/2019). Thời gian thông báo là 15 ngày.

Đối chiếu Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ việc thành phố Pleiku tiến hành lấy ý kiến đảm bảo đối tượng, thời gian theo quy định.

5. Việc xin ý kiến “thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018” của thành phố:

Sau khi tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức và người dân, UBND thành phố tiếp tục hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018 của thành phố Pleiku theo yêu cầu của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; ngày 28/3/2019 Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG thành phố tổ chức cuộc họp gồm: các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG thành phố và Chủ tịch UBND các xã trên địa bàn để tiến hành thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018.

- Số thành viên tham dự cuộc họp là 38 thành viên.

- Kết quả bỏ phiếu có 38/38 thành viên đồng ý đề nghị công nhận “Thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018” đạt tỷ lệ 100%.

Đối chiếu Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ việc thành phố Pleiku họp Ban Chỉ đạo và các thành viên liên quan tiến hành bỏ phiếu lấy ý kiến là đảm bảo đối tượng, thành phần đúng theo quy định.

6. Hồ sơ đề nghị của UBND thành phố gồm:

- Tổng hợp danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố;
- Tờ trình về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018 của thành phố;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2018;

- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018;

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố;

- Hình ảnh minh họa kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố.

Đối chiếu với Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ việc thành phố Pleiku xây dựng hồ sơ là đạt yêu cầu.

III. Kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố Pleiku

1. Kết quả công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố gồm 9 xã: An Phú, Diên Phú, Biển Hồ, Trà Đa, Chư HDRông, Tân Sơn, Ia Kênh, Chư Ấ, xã Gào.

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 9/9 xã, đạt 100%.

Thành phố Pleiku có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các xã của TP. Pleiku:

2.1. Về Quy hoạch (Tiêu chí số 1)

Xác định công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch đóng vai trò then chốt, là cơ sở để thực hiện nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội, ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Ban Chỉ đạo thành phố lựa chọn các đơn vị tư vấn phối hợp với UBND các xã tổ chức rà soát, lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới của từng xã. Tháng 11/2011, cả 9/9 xã đã hoàn thành việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố quy hoạch chung theo quy định, đáp ứng được yêu cầu về tiến độ. Quy hoạch nông thôn mới gồm có: Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới; quy hoạch phát triển và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

Trong giai đoạn mới, tỉnh, thành phố bố trí kinh phí tổ chức rà soát, điều chỉnh kịp thời quy hoạch xã nông thôn mới đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung của thành phố và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Trong những năm qua các xã đã thực hiện tốt việc quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định: UBND thành phố đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch nông thôn mới các xã; in 82 bản đồ quy hoạch và công bố tại UBND xã, nhà văn hóa các thôn, làng; triển khai cắm mốc giới tại thực địa (chủ yếu tại các khu vực đường trục xã, đường liên xã, các khu dân cư mới...).

Nhìn chung, công tác lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý và rà soát, điều chỉnh, bổ sung các loại quy hoạch được triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng, đúng quy định, đạt được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, phù hợp quy hoạch phát triển đô thị của thành phố, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

Hiện tại có 9/9 xã đạt tiêu chí Quy hoạch

2.2 Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội (từ tiêu chí số 2 đến tiêu chí số 9)

a) Về giao thông (Tiêu chí số 2)

Hệ thống đường giao thông nông thôn của các xã trên địa bàn thành phố thường xuyên được đầu tư nâng cấp, cải tạo theo quy hoạch. Các công trình giao thông của thành phố đi qua địa bàn các xã được quan tâm, đầu tư, mở rộng khung trang, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân. Kết quả từ thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tới nay tại 9 xã đã đầu tư xây dựng 253,69 km đường giao thông đạt chuẩn (trong đó từ năm 2011 đến nay đã đầu tư mới và nâng cấp đạt chuẩn 12,56 km đường trục xã; 73,94 km đường trục thôn; 83,82 km đường liên thôn, xóm, ngõ; 83,37 km đường trục chính nội đồng).

Trong 8 năm qua, bên cạnh việc đầu tư bê tông hóa các tuyến đường, nhân dân đã tự nguyện hiến 16.830 m² đất, cây trồng, vật kiến trúc và 43.584 ngày công lao động để mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thôn, xóm theo quy hoạch đảm bảo kết nối giao thông thông suốt, tạo thuận lợi trong việc đi lại nhất là lưu thông hàng hóa và phục vụ sản xuất trên địa bàn ngày càng tốt hơn.

- Đường trục xã, liên xã: Tổng chiều dài 93,7 km, tỷ lệ đường bê tông, nhựa hóa đạt 100% (tăng 13,4% so với năm 2011).

- Đường trục thôn: Tổng chiều dài 198,01 km, tỷ lệ đường bê tông đạt 91,2% (tăng 37,3% so với năm 2011).

- Đường ngõ xóm: Tổng chiều dài 153,33 km, tỷ lệ đường sạch, không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, tỷ lệ cứng hóa đạt 76,6% (tăng 54,7% so với năm 2011).

- Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 110,76 km, tỷ lệ được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận lợi đạt 82,9% (tăng 75,3% so với năm 2011).

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Giao thông (tăng 3 xã so với năm 2011).

b) Về thủy lợi (Tiêu chí số 3)

- Tổng số công trình hồ, đập, trạm bơm trên địa bàn các xã: 4 hồ, 5 đập, cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu cho sản xuất và cấp nước sinh hoạt, phòng chống bão lũ.

- Hệ thống kênh mương cấp I trên địa bàn các xã có chiều dài 10,55 km cùng với trạm bơm do Xí nghiệp Thủy nông Pleiku Mang Yang quản lý cơ bản đáp ứng nhu cầu dân sinh, phục vụ tưới tiêu cho 770 ha đất sản xuất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng bình quân đạt 89% so với công suất thiết kế.

- Trong 8 năm qua, thành phố đã đầu tư, nâng cấp được 38,99 km kênh mương và cải tạo nâng cấp 2 hồ, 3 đập. Tổng số kênh mương do xã quản lý đã được kiên cố hóa (kênh cấp II và cấp III): 43,99/53,89 km, đạt 81,63% (tăng 72,35% so với năm 2011).

- Hệ thống thủy lợi của các xã được thiết kế và xây dựng phù hợp với hệ thống thủy lợi chung của toàn thành phố, phát huy được hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu cho 9.145,8/9.898,7 ha đất nông nghiệp (trong đó đất trồng lúa 1.839,3 ha) của các xã, đạt 92,4%, tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đáp

ứng tốt yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chủ động trong sản xuất, giảm nhẹ thiên tai.

- Hàng năm các xã đã kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; xây dựng phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”. Công tác phòng chống thiên tai được triển khai tại các hội nghị lồng ghép của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể; tuyên truyền trên đài truyền thanh của xã; cơ sở hạ tầng của các xã đến nay cơ bản đáp ứng yêu cầu về phòng chống thiên tai.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Thủy lợi (tăng 3 xã so với năm 2011).

c) Về điện (Tiêu chí số 4)

Theo đánh giá ban đầu, năm 2011 đã có 9/9 xã đạt tiêu chí điện, tuy nhiên trong 8 năm xây dựng nông thôn mới, từ nguồn kinh phí của ngành điện và nhân dân đóng góp đã đầu tư 30,8 km và xây dựng mới 117,85 km đường dây trung áp; cải tạo 14,8 km và xây dựng mới 175,41 km đường dây hạ áp; xây dựng mới 187 trạm biến áp. Trên địa bàn 9 xã có 166,41 km đường dây trung thế; 275,96 km đường dây hạ thế; 268 trạm biến áp và 87,8 km đường điện chiếu sáng trên các tuyến đường của các xã.

Tổng số hộ trên địa bàn các xã là 12.774 hộ, trong đó có 12.774 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ hệ thống điện thành phố, đạt 100%.

Nhìn chung hệ thống điện của các xã được kết nối đồng bộ với hệ thống điện thành phố theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngành điện.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Điện.

d) Về trường học (Tiêu chí số 5)

Tại thời điểm năm 2011, trên địa bàn 9 xã của thành phố Pleiku không có trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, chỉ có 1/9 xã đạt tiêu chí trường học (tính theo tỷ lệ điểm trường). Sau 8 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hệ thống trường học từ mầm non đến Trung học cơ sở ở các xã được quan tâm đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa đảm bảo đạt chuẩn, với tổng kinh phí 200.356 triệu đồng.

Đến nay, tại các xã có tổng số 24 trường học (trong đó: 9 trường mầm non, 7 trường tiểu học, 4 trường THCS, 4 trường tiểu học và THCS). Số trường học đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là 6/24 trường, đạt tỷ lệ 25%, 18/24 trường học còn lại (*chiếm 75%*) đều có đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo khá tốt cho việc dạy và học (*không có trường học phòng học tạm, phòng bán kiên cố và tình trạng học 3 ca trong ngày*).

Hiện nay có 9/9 xã đạt tiêu chí Trường học (tăng 8 xã so với năm 2011).

e) Về cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 6)

Năm 2011, trên địa bàn 9/9 xã đều không có Trung tâm văn hoá - Khu thể thao xã đạt chuẩn, 31/73 thôn làng có nhà văn hóa thôn làng, nhưng tất cả đều chưa đạt chuẩn, không có xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa.

Trong 8 năm triển khai xây dựng nông thôn mới đã xây mới 42 nhà văn hóa thôn, làng; đầu tư nâng cấp, sửa chữa 9 Trung tâm văn hóa - Thể thao xã và 39 nhà văn hóa thôn, làng; xây mới 9 trung tâm làm việc một cửa của UBND xã.

Đến nay, 9/9 xã có Trung tâm văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn theo quy định. Hội trường nhà văn hóa xã có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo quy định. Cụ thể:

- Trung tâm văn hóa thể thao của các xã đã được thành lập. UBND các xã đã ra Quyết định bố trí Ban chủ nhiệm nhà văn hóa, xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động và thành lập các Câu lạc bộ; đồng thời phân công Ban chủ nhiệm của Nhà văn hóa - khu thể thao đối với các thôn, làng; chỉnh trang, sửa chữa nhà văn hóa - khu thể thao các thôn, làng. Kết quả đã thu hút trên 40% dân số trên địa bàn xã tham gia luyện tập thể dục thể thao; hoạt động văn nghệ được tổ chức thường xuyên, trung bình 02 cuộc/năm như liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng; các hội thơ ca, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn,... được duy trì hoạt động thường xuyên.

- 100% xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người lớn được lồng ghép trong các trường mẫu giáo và nhà sinh hoạt cộng đồng; thành lập các câu lạc bộ cờ tướng, dưỡng sinh, bóng bàn... để tạo điều kiện cho Hội người cao tuổi ở các thôn, làng tham gia sinh hoạt, vui chơi, thể dục thể thao và các phong trào khác.

- 73/73 thôn, làng có nhà văn hóa và các trang thiết bị phục vụ hoạt động của thôn đạt chuẩn theo quy định với diện tích trung bình mỗi nhà là 100m²; 65/73 thôn, làng có khuôn viên, diện tích, sân thể dục thể thao ngoài trời với diện tích trung bình mỗi sân là 1.000m².

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa

f) Về cơ sở hạ tầng thương mại (Tiêu chí số 7)

Theo quy hoạch có 9/9 xã xây dựng chợ. Tại thời điểm năm 2011 có 5/9 xã không đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Trong 8 năm qua, đã nâng cấp, mở rộng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công thương 04 chợ với tổng kinh phí 2.661 triệu đồng. Hiện nay, trên địa bàn 9 xã có 5 chợ (xã An Phú có 02 chợ) được xây dựng theo quy hoạch và đạt chuẩn, 5 xã có quy hoạch nhưng chưa có nhu cầu xây dựng chợ. Ngoài ra còn có các siêu thị và nhiều cửa hàng tiện lợi phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

Các chợ đều có Ban quản lý, có nội quy, trang bị phòng cháy chữa cháy, không kinh doanh các mặt hàng thuộc hàng mục mặt hàng cấm kinh doanh; khu vực nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước, thoát nước; rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tăng 5 xã so với năm 2011).

g) Về thông tin và truyền thông (Tiêu chí số 8)

Thời điểm năm 2011, thành phố đã có 9/9 xã đạt chuẩn tiêu chí Bưu điện. Để nâng cao chất lượng tiêu chí và đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí mới, thành phố đã đầu tư các đài truyền thanh xã, hệ thống trang thông tin điện tử với tổng kinh phí là 2.552 triệu đồng.

Đến nay, thành phố Pleiku có 01 Bưu điện tỉnh đóng trên địa bàn và 9 xã ngoại thành có 9 điểm bưu điện phục vụ bưu chính viễn thông ở vị trí trung tâm xã. Các điểm bưu điện có cơ sở vật chất, diện tích và khuôn viên đảm bảo theo quy định của ngành. Hệ thống hạ tầng bưu chính, viễn thông trong những năm qua phát triển mạnh mẽ, phủ khắp các xã, chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân; hệ thống dây dẫn, cáp quang Internet về đến các thôn. Hệ thống viễn thông phủ sóng toàn xã, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc và truy cập 3G.

9/9 xã có hệ thống Đài truyền thanh không dây với các cụm loa đặt tại 73/73 thôn, làng trên địa bàn các xã. Hệ thống loa hoạt động thường xuyên phục vụ thông tin tuyên truyền phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn.

Tỷ lệ máy tính/ số cán bộ, công chức của các xã đạt trên 70%. 9/9 xã đã sử dụng mạng máy tính và truy cập mạng máy tính nội bộ, có kết nối và truy cập Internet băng rộng, thực hiện gửi, nhận văn bản chỉ đạo điều hành qua internet. Có sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại UBND xã. Có kế hoạch và lộ trình cụ thể cung cấp dịch vụ hành chính công của xã qua mạng Internet. 9/9 xã có Trang thông tin điện tử thành phần trên Trang thông tin điện tử của thành phố.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông.

h) Về nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9)

Tại thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình, có 5/9 xã không đạt tiêu chí Nhà ở dân cư. Trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình, cấp ủy Đảng và chính quyền xác định đạt tiêu chí Nhà ở dân cư là góp phần quan trọng để xây dựng bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Chính quyền địa phương phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tích cực vận động người dân chủ động xây dựng, chỉnh trang nhà cửa và các công trình phụ đảm bảo vệ sinh, gọn gàng, sạch sẽ. Trong những năm qua, Thành phố đã hỗ trợ, tu sửa, nâng cấp nhà, xây mới 454 nhà tình thương cho các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách tại các xã đảm bảo an toàn, bền vững. Thông qua các đợt tuyên truyền, vận động các hộ gia đình đã đầu tư xây mới 1.748 nhà, nâng cấp, sửa chữa 2.185 nhà ở và các công trình phụ trợ. Đến nay, trên địa bàn 9/9 xã không còn nhà tạm, nhà dột nát (năm 2011 trên địa bàn 9 xã còn 485 nhà tạm).

Tổng số hộ gia đình có nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng trên địa bàn các xã là 11.183/12.744 hộ, đạt tỷ lệ 87,75% (tăng 24,98% so với năm 2011), các nhà đảm bảo “3 cứng”, có đầy đủ các công trình phụ trợ và kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.

3.3 Kinh tế, tổ chức sản xuất (từ tiêu chí số 10 đến tiêu chí số 13)

a) Về sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, ngành nông nghiệp thành phố luôn duy trì ở mức tăng trưởng ổn định; giá trị sản xuất tăng bình quân 4,6%/năm; cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường; diện tích cây trồng hàng năm bình quân là 4.935,65 ha.

Năm 2018, diện tích trồng cây lương thực 2.673,28 ha; chuyển đổi 149,7 ha lúa nước thường xuyên bị khô hạn sang những loại cây trồng khác có khả năng chịu hạn tốt hơn; diện tích cây công nghiệp dài ngày 4.535,51 ha; tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm khoảng 46,92%; tổng đàn bò khoảng 15.699 con (bò lai chiếm 35,82%); đàn heo 75.682 con (heo hướng nạc đạt khoảng 77%); gia cầm 461.090 con. Giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp đạt 111,45 triệu đồng/năm.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân, từ năm 2012 đến nay đã thực hiện tái canh cà phê được 966,5 ha, cấp phát 939.111 cây giống cà phê cho nhân dân. Đồng thời vận động người dân đưa giống cây có giá trị như: bơ, sầu riêng, cây dược liệu... vào cơ cấu cây trồng; liên kết với các doanh nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn để tiêu thụ sản phẩm.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp triển khai các dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn thành phố như Dự án nhà máy tách, phân loại, đóng gói, bảo quản hoa quả tươi xuất khẩu, dự án viện nghiên cứu giống cây trồng công nghệ cao, dự án khu nông nghiệp công nghệ cao của Công ty Cổ phần Giống Nafoods tại xã An Phú; dự án trồng và chăm sóc cây Hồ tiêu của Công ty Cổ phần nông nghiệp Nuti tại xã Gào.

b) Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ

- Trên địa bàn thành phố Pleiku có 01 khu công nghiệp và 01 cụm công nghiệp với tổng diện tích 253 ha, trong đó khu công nghiệp Trà Đa, diện tích 213 ha, với trên 50 doanh nghiệp đã đăng ký đầu tư, lấp đầy 85% diện tích; cụm công nghiệp Diên Phú với diện tích 40 ha, với 16 doanh nghiệp đã đăng ký đầu tư. Ngoài ra trên địa bàn 9 xã có 157 doanh nghiệp nhỏ và vừa, và 1.347 hộ sản xuất kinh doanh đã giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình kinh doanh, chất lượng hàng hóa dịch vụ được nâng cao. Các hoạt động thương mại dịch vụ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân thành phố.

c) Về Thu nhập (Tiêu chí số 10)

Tại thời điểm năm 2011, thu nhập bình quân đầu người của các xã đạt 11,81 triệu đồng/người/năm, 100% số xã trên địa bàn thành phố không đạt tiêu chí thu nhập.

Sau khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, thu nhập bình quân đầu người của người dân các xã tăng liên tục qua các năm, cụ thể: năm

2015 đạt 26,68 triệu đồng/người, năm 2016 đạt 29,31 triệu đồng/người, năm 2017 đạt 32,24 triệu đồng/người, năm 2018 đạt 35,86 triệu đồng/người, tăng 3,04 lần so với năm 2011. Để đạt được kết quả trên, đó là nhờ sự quan tâm chỉ đạo tập trung vào các giải pháp nâng cao thu nhập như: cho vay các nguồn vốn ưu đãi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng và tiếp cận hiệu quả các dự án, cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tế tại các xã, các ngành nghề phi nông nghiệp ở các xã phát triển khá đã góp phần tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập, góp phần làm cho đời sống người dân tại các xã ngày càng được cải thiện.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Thu nhập.

d) Về Hộ nghèo (Tiêu chí số 11)

Năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên địa bàn 9 xã là 8,06%, trong đó có 6/9 xã đạt tiêu chí, còn 03 xã chưa đạt là xã Ia Kênh (25,56%), xã Chư Ầ (16,16%) và xã Tân Sơn (12,22%). Qua 8 năm triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, bằng việc triển khai đồng bộ các giải pháp như: hỗ trợ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững thông qua các dự án phát triển sản xuất, tạo điều kiện cho các hộ vay vốn ngân hàng và các nguồn vốn khác; tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện các chương trình an sinh xã hội (*hỗ trợ mua thẻ BHYT, xây nhà cho các đối tượng chính sách,...*). Bên cạnh đó, cùng với sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của cộng đồng, sự nỗ lực vươn lên của các hộ nghèo đã giải quyết cơ bản những vấn đề bức xúc của hộ nghèo, cận nghèo... Vì vậy, công tác giảm nghèo đã đạt được kết quả khả quan, tỷ lệ hộ nghèo năm sau thấp hơn năm trước. Trong 8 năm, thành phố đã giảm được 1.840 hộ nghèo, trong đó có 839 hộ nghèo giai đoạn 2011-2016 và 1.001 hộ nghèo giai đoạn 2016-2020 (1.357 hộ đầu giai đoạn – kết quả điều tra hộ nghèo theo phương pháp đa chiều năm 2016 đến nay còn 246 hộ). Hiện tại, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tại 9 xã (*đã trừ các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội*) là 213 hộ/12.711 hộ, chiếm tỷ lệ 1,68% (giảm 6,38% so với năm 2011).

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Hộ nghèo theo quy định.

e) Về Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12)

Tại thời điểm năm 2011 có 5/9 xã chưa đạt tiêu chí Lao động có việc làm thường xuyên. Vì vậy, khi bắt đầu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố đã xác định tiêu chí Lao động có việc làm là một trong những tiêu chí quan trọng, là tiền đề để góp phần đạt các tiêu chí như Thu nhập, Hộ nghèo.

Trong những năm qua, thành phố luôn quan tâm đến giải quyết việc làm cho người dân nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm. Bên cạnh đó, các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề được triển khai mạnh mẽ góp phần giúp các xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm trong xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, cũng tạo cơ hội cho người dân nông thôn có việc làm lâu dài, ổn

định và nâng cao đời sống cho người dân nông thôn. Tỷ lệ người có việc làm của 9 xã là 30.852/32.057 người, đạt tỷ lệ 96,24%, tăng 34,24% so với năm 2011.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm.

f) Về Tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 13)

Thành phố tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Về số lượng Hợp tác xã (HTX): Thành phố có 26 HTX hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, bao gồm các lĩnh vực: 11 nông - lâm - ngư nghiệp, 02 công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 03 thương mại - dịch vụ, 10 vận tải. Trên địa bàn 9 xã có 12 HTX, trong đó 1 HTX chăn nuôi, 11 HTX tổng hợp. Tổng số thành viên đăng ký hoạt động theo Luật HTX năm 2012 là 1.001 thành viên; tổng số lao động làm việc trong HTX là 28 lao động. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 cụ thể:

+ Tổng vốn điều lệ đăng ký: 11,191 tỷ đồng;

+ Tổng doanh thu: 685 triệu đồng;

+ Doanh thu bình quân của HTX là: 57 triệu đồng/năm;

+ Thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong HTX: 36,75 triệu đồng/người/năm.

Các xã đã hình thành, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức kinh tế hợp tác, các liên minh sản xuất như Tổ hợp tác tiến đến Hợp tác xã để thực hiện các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật giữa các thành viên, đồng thời làm cầu nối cho người sản xuất và tiêu dùng. Trên địa bàn các xã đã hình thành các tổ hợp tác sản xuất cà phê theo hướng bền vững với diện tích 230 ha, như: Câu lạc bộ 91-92 tại xã Diên Phú do Công ty DAKMAN tổ chức với diện tích 92 ha, 58 thành viên; Tổ hợp tác cà phê bền vững 4C tại xã Trà Đa do Công ty NESTLE tổ chức với diện tích 110 ha, 77 thành viên; Tổ hợp tác cà phê VietGAP Đoàn kết - Thôn 4, xã Chư Á do Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai tổ chức với diện tích 28 ha, 12 thành viên; tổ hợp tác sản xuất rau VietGap như: Tổ sản xuất rau VietGap An Phú, xã An Phú với diện tích 4,2 ha, Tổ sản xuất rau VietGap thôn Tôi, xã Trà Đa với diện tích 5,5 ha; năng suất rau đạt 113 tấn/ha/năm (3-4 vụ/năm). Các tổ hợp tác đã tổ chức sản xuất theo chuỗi, tạo sự gắn kết giữa các thành phần tham gia trong chuỗi giá trị sản phẩm thông qua việc ký kết hợp đồng, xây dựng thương hiệu.

Nhìn chung, các HTX và THT nông nghiệp, thương mại dịch vụ đã phục vụ tốt nhu cầu của các thành viên và các hộ nông dân về dịch vụ cơ giới hóa trong khâu làm đất, thu hoạch, cung ứng giống, vật tư nông nghiệp và bước đầu liên kết với doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ nông sản cho người dân.

Hàng năm, Hội đồng Quản trị và các Tổ Hợp tác đều được tham gia tập huấn nâng cao về công tác quản trị, về chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn...

Trên địa bàn các xã có nhiều mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi từng ngành hàng nông sản chủ lực như: mô hình liên kết sản xuất cà phê theo hướng bền vững với tại xã Trà Đa (110 ha, sản lượng đăng ký hàng năm 519,5 tấn nhân, doanh nghiệp cam kết mua hết sản lượng cho nông dân và nông dân được cộng thêm từ 100 đến 450 đồng/kg cà phê nhân so với giá thị trường); mô hình liên kết sản xuất rau theo hướng VietGap tại xã An Phú (9,5 ha, lợi nhuận cao hơn gấp 3-4 lần trồng lúa), xã Trà Đa (5,5 ha).

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất.

3.4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường (từ Tiêu chí số 14 đến Tiêu chí số 17)

a) Về giáo dục và đào tạo (Tiêu chí số 14)

- Công tác giáo dục - đào tạo được quan tâm, chất lượng giáo dục toàn diện, vững chắc và có bước phát triển. Cơ sở vật chất trường học, trang thiết bị phục vụ dạy và học được tăng cường. Các trường chuẩn quốc gia duy trì, nâng cao chất lượng dạy và học; Toàn thành phố hiện có 38/81 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 46,9% (Trong đó: số trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1: 23 trường; số trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2: 05 trường; số trường đạt chuẩn Quốc gia: 10 trường). Phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” được đẩy mạnh, đến nay đã có 100% trường đạt danh hiệu “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 98,9%. Thành phố là đơn vị có học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng đạt tỷ lệ cao thuộc tốp đầu của tỉnh. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh.

- Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được chú trọng. Thành phố có 12 trường mầm non ngoài công lập và 02 trường thuộc quân đội quản lý, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chất lượng cao phục vụ việc chăm sóc và giáo dục các cháu trong độ tuổi.

- Hệ thống trường đào tạo nghề thường xuyên đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường liên kết giữa nhà trường và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trong và ngoài tỉnh.

- Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn 09 xã, kết quả cụ thể:

+ Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp ở các cấp học đạt 100%.

+ 9/9 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS.

+ 9/9 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở ở các xã được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt 95,6% (tăng 19% so với năm 2011).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2018 của 9 xã là 13.900/30.852 lao động, đạt 45,05% (tăng 20,55% so với năm 2011).

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Giáo dục - Đào tạo (tăng 02 xã so với năm 2011).

b) Về y tế (Tiêu chí số 15)

Hệ thống y tế thành phố: Gồm có Phòng Y tế và Trung tâm Y tế thành phố. Trung tâm Y tế thành phố có 01 Bệnh viện đa khoa với 140 giường bệnh và 23 trạm y tế xã, phường. Các trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng, củng cố và nâng cấp, góp phần tích cực vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh được tăng cường. Triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, công tác y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, các dự án và chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được nâng cao. Thực hiện tốt các hoạt động của mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số. Kết quả 9/9 xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế của 9 xã là 44.805/52.501 người, đạt 85,3%, tăng 44,4% so với năm 2011.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi của 9 xã chiếm 13,27%.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí về Y tế (tăng thêm 3 xã so với năm 2011).

c) Về văn hóa (Tiêu chí số 16)

Triển khai có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực văn hoá. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có chuyển biến tích cực. Công tác thông tin, tuyên truyền tiếp tục được đẩy mạnh, bám sát các sự kiện quan trọng, các ngày lễ, tết gắn với nhiệm vụ chính trị của thành phố. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao mừng Đảng, mừng xuân và các ngày lễ diễn ra rộng khắp, sôi nổi, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được đẩy mạnh.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” không ngừng được chú trọng, nâng cao về chất lượng. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật luôn được quan tâm triển khai thực hiện. Người dân đã tích cực tham gia thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh, chống các tệ nạn xã hội; tích cực hưởng ứng và thực hiện các phong trào: xây dựng “xã đạt chuẩn văn hóa”, “thôn văn hóa”, “gia đình văn hóa”. Đến nay 9/9 xã được công nhận “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, 68/73 thôn, làng được công nhận thôn, làng văn hóa chiếm tỷ lệ 93,15%, tăng 16,15 % so với năm 2011.

Hiện nay đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Văn hóa.

d) Về môi trường và an toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17)

Thành phố thường xuyên chỉ đạo phát động các phong trào tổng vệ sinh: quét dọn đường làng, ngõ xóm, các tuyến đường, các địa điểm công cộng. Rác thải được Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gia Lai thu gom, vận chuyển và chôn lấp tại Bãi chôn lấp rác tập trung. Các công ty, doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm túc cam kết bảo vệ môi trường và thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá công tác bảo vệ môi trường của đơn vị.

- Về nước sạch nông thôn đạt chuẩn Quốc gia. Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh của các xã là: 12.731/12.744 hộ, đạt tỷ lệ 99,9%, các hộ dân chủ yếu sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước mưa. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch trên địa bàn 9 xã là 10.081/12.744, đạt tỷ lệ 79,1%.

- Về tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, hoạt động của làng nghề đảm bảo quy định về môi trường: trên địa bàn 9 xã có 298/298 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường, trong đó:

+ 11 cơ sở đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; 212 cơ sở được UBND thành phố xác nhận cam kết hay kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản. Còn lại các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã.

+ Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng lớn (trên 600kg/năm) đều đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

+ Hiện có 01 Khu công nghiệp Trà Đa nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

+ Trên địa bàn các xã có 01 Cụm công nghiệp Diên Phú (xã Diên Phú) và Khu công nghiệp Trà Đa (xã Trà Đa) đã được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung cho khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

Nhìn chung, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên bàn 9 xã đều có đăng ký các hồ sơ, thủ tục về môi trường và thực hiện theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, có giải pháp xử lý chất thải.

- Về xây dựng cảnh quan, môi trường sáng- xanh- sạch- đẹp: Cảnh quan, môi trường trên địa bàn 9 xã đảm bảo xanh - sạch - đẹp, an toàn. Hàng năm vào các dịp hưởng ứng ngày Môi trường thế giới, tuần lễ, tháng cao điểm bảo vệ môi trường do Trung ương và tỉnh phát động, UBND thành phố và UBND các xã đều tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường; Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các đoàn thể phát động các phong trào như: trồng cây, làm vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, khơi thông dòng chảy, nạo vét ao hồ, kênh mương, nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, được nhân dân hưởng ứng nhiệt tình. Định kỳ hàng tháng UBND các xã phát động tổng vệ sinh môi trường ở các thôn, làng và khuôn viên trong vườn đảm bảo sạch đẹp. Ngoài ra giao cho Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên của xã đảm nhiệm phụ trách vệ sinh môi trường các tuyến đường trong xã. Nổi bật nhất là Hội Phụ nữ đã thành lập 07 mô hình "Hàng rào xanh" với chiều dài 8.300m, 05 mô hình "Con đường hoa" với chiều dài 1.900m, 10 mô hình phân loại rác tại các xã nông thôn mới, 164 trục (đoạn) đường phụ nữ tự quản, thu gom hơn 4 tấn rác thải.

- Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch: Trên địa bàn thành phố có 01 Nghĩa trang thành phố tại xã Trà Đa. Ngoài ra, trên địa bàn 9 xã có 31 nghĩa trang được quy hoạch và đang từng bước đầu tư, chỉnh trang, xây dựng theo quy hoạch. Các nghĩa trang đều đã xây dựng quy chế quản lý và được UBND xã phê duyệt. Xét về cơ bản hiện nay nghĩa trang đáp ứng nhu cầu mai táng của người dân trên địa bàn thành phố; việc mai táng đều được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh của người dân.

- Về chất thải rắn, nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom xử lý theo quy định:

+ Về thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt: 33/73 thôn làng thuộc 8/9 xã hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gia Lai thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã đi xử lý rác tại bãi rác tập trung của tỉnh (*Bãi rác tại xã Gào do Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gia Lai quản lý*). Rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình trên các tuyến đường chính ở các xã được thu gom, tập kết tại đúng địa điểm và thời gian quy định; đối với những khu vực không có đường để thu gom rác, UBND các xã đã hướng dẫn người dân sử dụng hố rác gia đình để xử lý các loại rác hữu cơ, dễ phân hủy, tận dụng làm phân bón phục vụ nông nghiệp; còn các loại rác thải không phân hủy được thu gom sau đó đem đến các điểm bố trí thùng rác để được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Về thu gom và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016, UBND các xã đã tổ chức thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phát sinh trên địa bàn, để không xảy ra tình trạng sau khi sử dụng vứt bừa bãi tại các khu vực trồng trọt, kênh mương. Đã xây dựng được 31 bể thu gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng và vận động người dân thu gom sau khi sử dụng bỏ vào các bể chứa.

+ Về thu gom và xử lý rác thải y tế: Các cơ sở y tế đều có phân loại rác theo quy định, 100% rác thải y tế lây nhiễm được thu gom tập trung về Trung tâm y tế thành phố và sau đó hợp đồng với Công ty TNHH Hậu Sanh để xử lý theo quy định.

+ Về bảo vệ môi trường tại Khu công nghiệp Trà Đa và Cụm công nghiệp Diên Phú: Khu công nghiệp Trà Đa gồm 48 dự án đầu tư (36 dự án đã đi vào hoạt động, 12 dự án đang xây dựng). KCN Trà Đa đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 2.000 m³/ngày đêm và đáp ứng tốt nhu cầu xử lý với tổng lượng nước thải phát sinh của các cơ sở là 450 m³/ngày, trong đó 36 dự án đã thực hiện đấu nối với hệ thống thu gom và xử lý nước mưa, nước thải tập trung của Công ty Phát triển hạ tầng Khu kinh tế; Cụm công nghiệp Diên Phú gồm 27 tổ chức, cá nhân đang hoạt động chiếm 77% trên tổng số 52 lô. Cụm công nghiệp Diên Phú đã đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.250 m³/ngày, đang vận hành chạy thử, hiện nay các cơ sở sản xuất kinh doanh đã đấu nối hệ thống xử lý nước thải

tại Cụm công nghiệp Diên Phú. Lượng nước thải xử lý giao động từ 50-167m³/ngày đêm.

+ Đối với các khu dân cư tập trung của 9 xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải bảo đảm thoát nước cho khu vực, không gây tù đọng nước thải và ngập úng. Nước thải hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm.

+ Tất cả các thôn, làng của 9 xã đã xây dựng Hương ước về bảo vệ môi trường và được UBND thành phố phê duyệt. UBND xã đã tổ chức cho tất cả các hộ gia đình trên địa bàn cam kết thực hiện Hương ước đã được phê duyệt.

- Tỷ lệ trung bình hộ gia đình tại 9 xã có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 87% (11.083/12.744 hộ); nhà tắm hợp vệ sinh đạt 88,8% (11.314/12.744 hộ), bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 89,4% (11.398/12.744 hộ) và đảm bảo 3 sạch là 82,1% (10.468/12.744 hộ).

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn 9 xã là 2.291/2.954 hộ, đạt 77,5%, trong đó 02 trang trại được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và 08 dự án chăn nuôi được UBND thành phố xác nhận thủ tục về môi trường, còn lại các hộ chăn nuôi quy mô nông hộ gia đình (diện tích chuồng trại dưới 50m²) ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã. Nhìn chung, các hộ gia đình chăn nuôi đều nhỏ, lẻ; chuồng trại được xây dựng cách biệt với nhà ở, được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Chất thải chăn nuôi (*phân, nước tiểu*) được thu gom xử lý chủ yếu bằng hầm hay túi biogas và ao sinh học,...

- Trên địa bàn các xã có 5.440 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. 100% cơ sở đều có giấy chứng nhận và cam kết về an toàn vệ sinh thực phẩm, và có xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm (tăng 05 xã so với năm 2011).

3.5 Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội (tiêu chí số 18 và tiêu chí số 19)

a) Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18)

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, thành phố đã xây dựng được hệ thống chính trị từ thành phố đến các xã, thôn, làng vững mạnh và đoàn kết, thống nhất cao; phát huy được nội lực của toàn Đảng bộ thành phố gắn với cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về “*Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay*”. Khi bắt đầu xây dựng nông thôn mới hầu hết các xã đều không đạt tiêu chí, nguyên nhân chủ yếu là do trình độ đội ngũ cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ. Qua 8 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đến nay:

- Công tác cán bộ - bồi dưỡng cán bộ luôn được thành phố quan tâm và chú trọng. Hàng năm thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ, củng cố nguồn nhân lực và hoàn thiện bộ máy các cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chỉ đạo các xã rà soát đội ngũ cán bộ theo chuẩn, cử hàng trăm lượt cán bộ đi học lớp Trung cấp hành chính, Trung cấp chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, Đại học tại chức; tập huấn xây dựng nông thôn mới cho 100% cấp ủy chi bộ và cán bộ khối chính quyền, đoàn thể. Tổng số cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã là 170/170 người, trong đó 76 cán bộ, 94 công chức. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.

- Về hệ thống tổ chức chính trị: 9/9 xã có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; các tổ chức chính trị đều được tổ chức từ thành phố đến xã, thôn, làng. Hệ thống tổ chức chính trị luôn được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đầy đủ cả số lượng và chất lượng. Vì vậy, chất lượng hoạt động không ngừng nâng lên. Hàng năm, Đảng bộ, Chính quyền các xã đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt "*Trong sạch, vững mạnh*", các tổ chức đoàn thể chính trị đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- Về tiếp cận pháp luật: Việc thi hành Hiến pháp, pháp luật; ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ, chỉ đạo của cấp trên được các xã triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ. Thực hiện các thủ tục hành chính đúng trình tự, công khai đầy đủ, đúng thời hạn quy định, đảm bảo sự hài lòng của nhân dân về chất lượng, thái độ phục vụ. Các xã đều có tủ sách pháp luật cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật; triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên địa bàn bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, dân vận chính quyền theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI, Chỉ thị số 16/2016/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân trong mọi lĩnh vực. Theo đó, 100% xã được UBND thành phố quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực: Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình, đời sống xã hội luôn được chú trọng và quan tâm. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy ở các xã chiếm từ 15% trở lên. Hàng năm cán bộ nữ được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, khuyết tật được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng. Trên địa bàn các xã không có tình trạng tảo hôn. Công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống loa truyền thanh của xã được thực hiện 02 buổi/tháng. 73/73 thôn, làng đều có địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng để hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực do các cấp hội phụ nữ hướng dẫn thành lập. 9/9 xã đã thành lập và duy trì hoạt động Ban chỉ đạo công tác gia đình cấp xã và nhóm phòng chống bạo lực gia đình ở các thôn, làng.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (tăng 4 xã so với năm 2011).

b) Về quốc phòng và an ninh (Tiêu chí số 19)

Năm 2011, trên địa bàn thành phố có 9/9 xã đạt tiêu chí an ninh trật tự xã hội. Tuy nhiên, đây là tiêu chí động, thay đổi theo từng năm. Để giữ vững và duy trì đạt tiêu chí liên tục, hàng năm Thành ủy đã xây dựng các nghị quyết chuyên đề về công tác an ninh trật tự, công tác quân sự - quốc phòng địa phương; UBND thành phố đã xây dựng, ban hành các chương trình và kế hoạch công tác để chỉ đạo triển khai thực hiện công tác quốc phòng, an ninh trật tự trên địa bàn gắn với xây dựng nông thôn mới. Đảng ủy, UBND các xã đã xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, kế hoạch về công tác an ninh, quốc phòng tại cơ sở. Ban Chỉ huy quân sự thành phố, Công an thành phố đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, chỉ đạo, hướng dẫn các xã công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO, thường xuyên vận động, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; chủ động đấu tranh, ngăn chặn âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; phòng ngừa, đấu tranh các loại tội phạm nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường lành mạnh, thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Trong những năm qua trên địa bàn 9 xã tình hình an ninh trật tự luôn được giữ vững và ổn định; không xảy ra các hoạt động chống phá; truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người; Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội. Lực lượng dân quân xã được xây dựng bảo đảm chất lượng về chính trị, có số lượng và cơ cấu hợp lý, luôn là lực lượng tại chỗ phối hợp chặt chẽ với Công an xã sẵn sàng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân trên địa bàn.

Năm 2018 có 69/73 thôn, làng (đạt 94,5%) được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. Hàng năm Công an các xã được UBND thành phố công nhận là đơn vị tiên tiến. Ban Chỉ huy quân sự các xã đều được UBND, Ban CHQS thành phố khen thưởng về hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Hiện tại đã có 9/9 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh

IV. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011-2018:

Tổng nguồn vốn huy động cho xây dựng nông thôn mới toàn thành phố giai đoạn 2011-2018 là 1.721.283 triệu đồng, gồm:

- a) Vốn từ ngân sách nhà nước: 513.468 triệu đồng, chiếm 29,83%, trong đó:
 - Ngân sách Trung ương: 25.415 triệu đồng;
 - Ngân sách tỉnh: 6.475 triệu đồng;
 - Ngân sách thành phố: 11.753 triệu đồng;

- Ngân sách xã: 44.569 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép: 425.256 triệu đồng;
- b) Vốn vay tín dụng 92.420 triệu đồng, chiếm 5,37%;
- c) Doanh nghiệp 291.034 triệu đồng, chiếm 16,91%;
- d) Nhân dân đóng góp 818.788 triệu đồng, chiếm 47,57%.
- e) Vốn khác: 5.573 triệu đồng, chiếm 0,32%.

V. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố đến ngày 31/12/2018:

Qua 8 năm triển khai thực hiện chương trình dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Pleiku tất cả các dự án xây dựng cơ bản trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đều được thẩm định nguồn. Vì vậy, 100% dự án đầu tư xây dựng cơ bản của chương trình đều được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục của Luật đầu tư công nên thành phố Pleiku *“không có nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình xây dựng nông thôn mới”*.

Phần thứ 2
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận:

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị của thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đã được UBND thành phố hoàn thành đầy đủ, đúng trình tự, đúng thủ tục. Hồ sơ đã được Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tiếp nhận, thẩm tra, đánh giá đảm bảo theo đúng quy định của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về kết quả xây dựng nông thôn mới

Qua kết quả tự đánh giá của UBND thành phố Pleiku và kết quả thẩm tra của Đoàn thẩm tra tỉnh đã đánh giá kết luận, thành phố Pleiku đã đủ điều kiện đề nghị Trung ương công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018, có 9/9 xã đã được công nhận đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 100% theo đúng quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Qua kết quả tổng hợp kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Pleiku do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì thực hiện. Kết quả cho thấy: có từ 88% trở lên số hộ dân được lấy ý kiến, đánh giá hài lòng 9/9 nội dung và 98,32% số hộ dân được lấy ý

kiến, hài lòng với nội dung thứ 10 của Phiếu hỏi: hài lòng với kết quả chung về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Pleiku.

II. Kiến nghị

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, sớm thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, công nhận thành phố Pleiku hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG Trung ương;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Lưu: VT, NL, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN